

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 148 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 07 – 2019

(*V/việc xin ly hôn*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 376/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Đại L, sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: đường N, khóm B, phường T, TpC, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Trương Thị Phương D, sinh năm 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: đường N, khóm B, phường T, TpC, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh L trình bày, anh và chị D kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TpC. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị D.

Ý kiến của chị D: Chị D xác định, chị và anh L kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TpCà Mau. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh L và chị D xác định có 01 con chung tên Lâm Phương Q, sinh ngày 10/9/2017, hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn anh L và chị D thống nhất giao cháu Q cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị D thỏa thuận, anh L không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Q số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh L và chị D xác định không có.

Về nợ chung: Anh L và chị D xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Lâm Đại L về việc xin ly hôn với chị Trương Thị Phương D thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị D là bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm B, phường T, Tp.C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với D có bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, phù hợp với theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên tòa xét xử vắng mặt chị D.

Nội dung:

[2] Về hôn nhân: Anh L và chị D kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký và được UBND phường T, TpCà Mau cấp giấy chứng nhận. Xét về mâu thuẫn: Anh L và chị D đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Anh L và chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu chấm dứt hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị D.

[3] Về con chung: Anh L và chị D xác định có 01 con chung tên Lâm Phương Q, sinh ngày 10/9/2017, hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn anh L và chị D thỏa thuận giao cháu Q cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con cả hai thỏa thuận: Anh L không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Q số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Xét thấy các đương sự thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng sau khi ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị D xác định không có.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị D xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh L nộp theo quy định. Về án phí cấp dưỡng nuôi con do các đương sự thỏa thuận được nên anh L nộp 50% mức án phí dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Đại L về việc xin ly hôn với chị Trương Thị Phương D.

Về con chung: Giao cháu Lâm Phương Q, sinh ngày 10/9/2017 (hiện đang sống chung với chị D) cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh L không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, anh L có nghĩa vụ tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, trường hợp không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Về tài sản chung: Anh L và chị D xác định không có.

Về nợ chung: Anh L và chị D xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình anh L nộp 300.000đ. Vào ngày 02 tháng 5 năm 2019, anh L đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0000041 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh L nộp 150.000đ (chưa nộp).

Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- UBND phường 4, TPCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyễn